

# NỘI DUNG ÔN TẬP THI HKII

## MÔN VĂN 8

### I. VĂN BẢN

\* Các văn bản: *Chiếu dời đô. Hịch tướng sĩ. Nước Đại Việt ta. Bàn luận về phép học.*

\* Lưu ý:

- Đọc kĩ văn bản, tên tác phẩm, tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt,
- Học thuộc ghi nhớ (nội dung và ý nghĩa) của văn bản, nội dung và ý nghĩa đoạn trích...

### II. TIẾNG VIỆT

\* Các kiểu câu: *Câu cảm thán, Câu trần thuật, Câu phủ định, Hành động nói.*

\* Lưu ý:

- Xác định chúng trong các đoạn văn/ đoạn thơ cho sẵn, hoặc đặt câu có sử dụng chúng.
- Tìm các kiểu câu (*Câu cảm thán, Câu trần thuật, Câu phủ định, Hành động nói.*) có trong các văn bản trên...
- Nhận diện đặc điểm, nêu chức năng của các kiểu câu trên.
- Làm lại tất cả các bài tập (phần luyện tập) các nội dung trên.

### III. TẬP LÀM VĂN

Viết bài về các chủ đề: Người lãnh đạo anh minh, Tuyên ngôn độc lập, Lòng yêu nước, Học đi đôi với hành.

#### Dàn bài chi tiết

#### CHỦ ĐỀ 1: Người lãnh đạo anh minh.

**Đề bài:** Dựa vào văn bản “Chiếu dời đô” hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của người lãnh đạo anh minh Lý Công Uẩn đối với vận mệnh của đất nước.

**a. Mở bài:**

- Dẫn dắt vấn đề: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia.
- Nêu vấn đề: Lãnh đạo có vai trò vô cùng quan trọng đối với vận mệnh của một quốc gia, dân tộc.

**b. Thân bài:**

**Luận điểm 1:** Những phẩm chất của một người lãnh đạo anh minh

- Có tầm nhìn xa, trông rộng
- Có lòng yêu nước, thương dân.
- Có kiến thức sâu rộng, uyên thâm.
- Luôn sáng suốt, anh minh, công bằng....

**Luận điểm 2:** Vai trò của một vị vua đối với vận mệnh đất nước.

- Vua Lý Thái Tổ là vị vua khai sinh ra ra vương triều nhà Lý - một triều đại thịnh trị trong lịch sử dân tộc.
- Giành được hòa bình, đất nước đang trong giai đoạn dựng xây và phát triển, vua Lý Thái Tổ đã nhìn ra được những yếu điểm của kinh đô Hoa Lư và những lợi thế, tương lai của vùng đất Thăng Long. Chính nhờ tầm nhìn xa, trông rộng của vua mà đất nước mới có được điều kiện để phát triển thịnh vượng nhất có thể.

- Vua Lý Thái Tổ cũng rất cẩn thận, khéo léo trong cách thuyết phục nhân dân, quần thần dời đô:
- + Nhắc lại các triều đại dời đô thành công trong lịch sử Trung Quốc: nhà Thương, nhà Chu.
- + Phân tích những hạn chế của vùng đất Hoa Lư và sự bảo thủ của các triều Đinh, Lê
- + Phân tích những lợi thế của vùng Thăng Long
- ⇒ Trong thời đại đất nước đang trên đà phát triển hưng thịnh, vua Lý Thái Tổ với kiến thức uyên thâm về địa lý, phong thủy, tầm nhìn xa trông rộng, tấm lòng yêu nước, thương dân, một lòng muốn cống hiến cho đất nước để đưa ra quyết định dời đô – từ đó tạo ra bước chuyển mình mạnh mẽ trong lịch sử dân tộc ta.

### **Luận điểm 3:** Bàn luận

- Lý Thái Tổ là người lãnh đạo anh minh, sáng suốt, hội tụ đủ các phẩm chất tinh anh của dân tộc, có công lao lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong lịch sử dân tộc.
- Nếu như vua không sáng, không giỏi thì chắc chắn đất nước đó sẽ sớm bại liệt, không thể phát triển được.

### **C. Kết bài:**

- Khẳng định lại vai trò to lớn của người lãnh đạo đối với vận mệnh đất nước.
- Liên hệ đến thời hiện đại: Trong xã hội đang trên đà phát triển, hội nhập mạnh mẽ như hiện nay, chúng ta càng cần đến những người lãnh đạo sáng suốt, anh minh, nhạy bén thì mới có thể chèo lái nhân dân, đưa đất nước đến sự thịnh vượng, văn minh, tiên tiến.

## **CHỦ ĐỀ 2: Tuyên ngôn độc lập**

**Đề bài:** Chứng minh đoạn trích "*Nước Đại Việt ta*" (trích *Bình Ngô đại cáo*) của Nguyễn Trãi là bản tuyên ngôn độc lập bất hủ của nước Đại Việt.

### **DÀN BÀI**

#### **a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả tác phẩm: Nước Đại Việt ta là hán văn chính luận nổi tiếng của Nguyễn Trãi
- Nêu vấn đề: Đoạn trích “Nước Đại Việt ta là một bản tuyên ngôn độc lập bất hủ”

#### **b. Thân bài:**

**Luận điểm 1:** Tư tưởng nhân nghĩa mới mẻ của Nguyễn Trãi

- Nhân nghĩa trong tư tưởng Nho giáo xưa vốn là khái niệm nói về đạo lí, cách đối nhân xử thế và tình thương giữa con người với con người ⇒ Phạm vi hẹp, thuộc phạm trù cá nhân trong xã hội.
- Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được mở rộng ra, nhân nghĩa là phải “yên dân”, “trừ bạo” ⇒ Tư tưởng lấy dân làm gốc, “dân vi bản”.
  - + Đối với một triều đại, nhân nghĩa là phải làm cho cuộc sống của nhân dân được yên ổn, ấm no, hạnh phúc, hòa bình; muốn “yên dân” thì phải “trừ bạo”, tức là “điều dân phạt tội” (thương dân, đánh giặc) ⇒ tư tưởng của một nhà Nho yêu nước, thương dân, tiến bộ.

**Luận điểm 2:** Quan niệm về quốc gia, độc lập, chủ quyền lãnh thổ

- Trước Nguyễn Trãi, Lý Thường Kiệt cũng đã đưa ra quan niệm về quốc gia, dân tộc ở hai phạm trù cơ bản: Chủ quyền lãnh thổ và độc lập. (“Nam quốc sơn hà”)
  - Nguyễn Trãi mở rộng quan niệm khi đưa ra thêm 3 phạm trù quan trọng nữa:
    - + Nền văn hiến lâu đời: đối với bất cứ một quốc gia, vùng lãnh thổ nào, nền văn hiến chính là “tín hiệu” để đánh giá được sự tồn vong, thịnh suy và là “bằng chứng” cho sự tồn tại của một dân tộc.
    - + Phạm vi lãnh thổ: “bờ cõi đã chia”
    - + Phong tục tập quán: “Phong tục Bắc Nam cũng khác”
    - + Triều đại: Nguyễn Trãi liệt kê một loạt các triều đại của Đại Việt “bao đời gây nên độc lập”, đặt ngang hàng với các triều đại của Trung Quốc ⇒ khẳng định vị thế, khí thế của nước ta.
    - + Anh hùng thời đại: thể hiện sức mạnh, nguồn linh khí, Long mạch của đất nước sinh ra nhân tài mọi thời.
  - Lịch sử chống giặc ngoại xâm: Nguyễn Trãi đưa ra một loạt các sự kiện, chiến thắng lẫy lừng của ông cha ta trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ đất nước.
- ⇒ Tất cả đã khẳng định: Nước ta là đất nước có nền văn hiến nghìn năm, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền và có truyền thống lịch sử; kẻ nào có ý xâm lược nhất định sẽ chuốc lấy thất bại.

**Luận điểm 3:** Nước Đại Việt ta là một bản tuyên ngôn độc lập bất hủ

- “Nước Đại Việt ta” xứng đáng là một bản tuyên ngôn độc lập bởi nó đã:
  - + khẳng định được chủ quyền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ dân tộc
  - + thể hiện khí thế hào hùng, sức mạnh dân tộc
  - + lời đe dọa hùng hồn đến những kẻ đang có ý định xâm phạm
- Là một bản tuyên ngôn độc lập bất hủ bởi: Đoạn trích mang nhiều tư tưởng, quan niệm đúng đắn, mới mẻ, tiên bộ, là sự tiếp nối và phát triển ý thức dân tộc từ Lý Thường Kiệt trong bài “Nam quốc sơn hà”, vừa trở thành tư tưởng căn nguyên để về sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho ra đời bản tuyên ngôn độc lập chính thức của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tháng 9 -1945.

**Luận điểm 4:** Nghệ thuật

- cách lập luận chặt chẽ
- chứng cứ hùng hồn, lời lẽ đanh thép

**c. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề: “Nước Đại Việt ta” là một bản tuyên ngôn độc lập bất hủ.

### **CHỦ ĐỀ 3: Lòng yêu nước.**

**Đề bài:** *Lòng yêu nước thể hiện trong bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn*

#### **DÀN BÀI**

**a. Mở bài:**

Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Nêu vấn đề: “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, là một tác phẩm thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của vị chủ tướng.

**b. Thân bài:**

**\*. Lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn thể hiện ở lòng căm thù giặc.**

Trần Quốc Tuấn đã vạch trần bản chất xâm lược của giặc phương Bắc qua hình ảnh tên sứ giặc: “đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ”. Giặc đã xúc phạm đến quốc thể và niềm tự tôn dân tộc.

Hai hình ảnh ẩn dụ “lưỡi cú diều”, “thân dê chó” cùng với từ gọi tả “nghênh ngang” đã thể hiện thái độ ngạo mạn, hống hách của giặc đồng thời kín đáo bộc lộ lòng căm thù giặc và khinh bỉ đối với sứ giặc của Trần Quốc Tuấn, khơi gợi ý thức dân tộc đối với các tướng sĩ.

Giặc tìm đủ trăm phương ngàn kế mà “đòi”, mà “thu”, mà “vét” tài sản quý báu của ta, bóc lột dân ta đến tận xương tủy.

Tác giả gọi sứ giặc là “hồ đái” gọi tả sự tham tàn của bọn ngụy sứ. Qua đó cho ta thấy cái nhìn sáng suốt và cảnh giác của vị chủ tướng.

**\* Lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn thể hiện ở nỗi lòng lo lắng trước vận mệnh đất nước, đau xót trước nỗi đau của nhân dân.**

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”. Vị chủ tướng đang trải qua những ngày đêm căng thẳng. Không lo nghĩ sao được khi vận mệnh đất nước đang treo đầu sợi tóc? Nghe tiếng quân Mông thiện chiến, hung tàn nên không tránh khỏi tâm lí hoang mang

Là vị chủ soái nên trách nhiệm của ông càng nặng. Vì vậy, nỗi lo cứ thường trực trong lòng, cứ nặng trĩu cả ngày lẫn đêm. Đó là lời tâm sự sâu kín nhất mà ông bày tỏ với các tướng sĩ, mong họ hiểu mình, chia sẻ nỗi lo cùng mình và có ý thức trách nhiệm giết giặc cứu nước.

Đó là thái độ căm phẫn, quyết không dung tha lũ giặc cướp nước “chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”. Các động từ mạnh kết hợp với phép tăng cấp, thậm xưng đã diễn tả sâu sắc lòng căm thù giặc, quyết không đội trời chung với bọn giặc.

Khép lại đoạn văn là lời nguyện của Trần Quốc Tuấn “dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng” đã nêu cao ý chí quyết tâm chiến đấu, sẵn sàng hi sinh để rửa hận cho nước, rửa nhục cho dân, bảo vệ chủ quyền dân tộc, lấy lại danh dự cho triều đình.

**\* Lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn thể hiện trong thái độ chăm sóc quan tâm đối với các tướng sĩ dưới quyền.**

“Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu, không có... lương ít thì ta cấp bổng...” ông quan tâm đến họ về nhiều mặt, kịp thời, sống có thủy có chung, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với họ.

Đề rồi từ đó tác giả phê phán thái độ bàng quan, vô trách nhiệm, ăn chơi hưởng lạc. Phê phán thật nghiêm khắc. Ông muốn họ hiểu rằng chiến đấu cho chính cuộc sống của họ.

Bài hịch chứa đựng tình cảm yêu nước và khí phách anh hùng, đồng thời còn mang tính nghệ thuật độc đáo, xứng đáng là áng văn thiên cổ hùng văn trong lịch sử văn học nước nhà.

### **c. Kết bài:**

Ngày nay, đất nước đang bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ non sông gấm vóc mà cha ông ta xưa kia đã tạo dựng. Đọc lại những áng văn bất hủ của người xưa như

nhắc nhở người đời sau thừa kế và phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước và quyết tâm diệt thù của người xưa.

#### **CHỦ ĐỀ 4: “Học” đi đôi với “hành”**

**Đề bài:** Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

#### **DÀN BÀI**

##### **a. Mở bài:**

- Giới thiệu về La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp và văn bản “Bàn về phép học” gửi lên vua Quang Trung của ông

##### **b. Thân bài:**

**\* Tóm tắt những luận điểm trong bài bàn về phép học của Nguyễn Thiếp:**

- Mục đích chân chính của việc học là học để làm người

- Phê phán những quan điểm lệch lạc trong học tập: lối học hình thức mục đích là để cầu danh lợi

- Khẳng định muốn học tốt phải có phương pháp đúng đắn: học cơ bản trước , học tuần tự từ thấp tới cao.

**\* Nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa học và hành:**

- Học là tiếp thu kiến thức từ sách vở hoặc do người khác truyền thụ lại

- Hành vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống

- Học và hành có mối quan hệ mật thiết với nhau:

+ Nếu chỉ chú trọng học mà không hành thì chỉ giỏi lý thuyết kiến thức sách vở, hơn nữa chỉ học không hành sẽ thiếu kinh nghiệm thực tế, hạn chế khả năng sáng tạo

+ Nếu chỉ hành mà không học thì sẽ là mò mẫm, không có kết quả cao như ý muốn

**\* Bài học cho bản thân:**

- Học phải đi đôi với hành là phương pháp đúng đắn nhất

- Xác định đúng đắn việc học để tiếp thu kiến thức , ko chạy theo bằng cấp , điểm số . ko ngừng tiếp thu kiến thức

##### **c. Kết bài:**

- Văn bản " Bàn về phép học " đến ngày nay vẫn còn là chân lý giúp chúng ta hiểu về phương pháp học tập đúng đắn và mối quan hệ giữa việc học và hành.

**\* Chú ý:**

- *Cách trả lời câu hỏi, phương pháp làm bài tập làm văn.*

- *Sử dụng thời gian hợp lý.*

- *Tránh học tủ, học vẹt.*